

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chuyển tài sản công là cơ sở nhà, đất
sang Ngân hàng Chính sách xã hội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất; số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc chuyển giao tài sản của Bộ Tài chính về Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa quản lý, xử lý: Số 3804/QĐ-BTC ngày 12/11/2025; số 4461/QĐ-BTC ngày 30/12/2025;

Căn cứ Kết luận số 238-KL/TU ngày 11/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà, đất trên địa bàn tỉnh sau sắp xếp, tinh gọn bộ máy;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-CTUBND ngày 29/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5958/TTr-STC ngày 26/5/2026 (kèm theo đề nghị của Ngân hàng Chính sách xã hội tại Công văn số 112/NHCS-XDCB ngày 09/01/2026 và Công văn số 2045/NHCS-XDCB ngày 21/4/2026; của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tại các Công văn: Số 77/NHCS-HCTC ngày 14/01/2026, số 488/NHCS-HCTC ngày 23/3/2026, số 2241/NHCS-HCTC ngày 31/12/2025, số 757/NHCS-HCTC ngày 17/4/2026).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chuyển tài sản công là cơ sở nhà, đất sang Ngân hàng Chính sách xã hội để bố trí cho các Phòng giao dịch thuộc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thanh Hóa quản lý, sử dụng, cụ thể như sau:

1. Đơn vị có tài sản điều chuyển: UBND tỉnh Thanh Hóa.
2. Đơn vị tiếp nhận tài sản: Ngân hàng Chính sách xã hội để bố trí cho các Phòng giao dịch thuộc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thanh Hóa quản lý, sử dụng.
3. Danh mục tài sản điều chuyển: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.
4. Lý do điều chuyển: Từ nơi thừa sang nơi thiếu theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền quy định và việc điều chuyển tài sản mang lại hiệu quả sử dụng cao hơn quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 42 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác của thông tin, số liệu tài sản, nội dung báo cáo, thẩm định, trình phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, đơn vị có tài sản điều chuyển, các đơn vị tiếp nhận tài sản thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản theo quy định; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 02/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ; thực hiện hạch toán giảm, tăng tài sản theo chế độ kế toán hiện hành; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định.

3. Đơn vị tiếp nhận tài sản thực hiện đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản theo quy định; thanh toán các chi phí hợp lý có liên quan đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản (nếu có).

4. Các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn các đơn vị tổ chức thực hiện bàn giao, tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản công và các nội dung công việc có liên quan theo quy định.

5. Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Hậu Lộc, UBND xã Kim Tân theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện cập nhật, điều chỉnh quy hoạch chuyên ngành, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục; trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội; Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch UBND xã Hậu Lộc; Chủ tịch UBND xã Kim Tân; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Trưởng phòng Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Thạch Thành; Trưởng phòng Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Hậu Lộc; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước khu vực XI;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Hùng

Phụ lục
DANH MỤC TÀI SẢN CÔNG ĐIỀU CHUYỂN SANG NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Tên tài sản	Thông tin cơ sở nhà, đất		Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị tiếp nhận tài sản	Ghi chú
		Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)					
I	Cơ sở nhà, đất Kho bạc Nhà nước Thạch Thành cũ thuộc Kho bạc Nhà nước khu vực XI						Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội Thạch Thành	Bộ Tài chính chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý tại Quyết định số 3804/QĐ-BTC ngày 12/11/2025
1	Đất	2.100		2008	13.440.000.000	13.440.000.000		
2	Nhà		1.204		3.833.224.000	73.822.268		
2.1	Nhà làm việc		830	2008	2.755.354.000	65.570.548		
2.2	Nhà phụ trợ		346	2008	979.272.000	7.834.177		
2.3	Nhà trực bảo vệ		12	2008	52.193.000	417.543		
2.4	Nhà để máy phát điện		16	2008	46.405.000	0		
3	Tài sản khác				1.849.975.309	104.194.411		

Số TT	Tên tài sản	Thông tin cơ sở nhà, đất		Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị tiếp nhận tài sản	Ghi chú
		Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)					
3.1	Kè đập			2008	117.615.000	0		
3.2	Cổng, hàng rào			2008	69.243.000	0		
3.3	Hệ thống điện			2008	941.686.000	0		
3.4	Sân đường nội bộ			2008	209.933.000	52.483.250		
3.5	Hệ thống cấp thoát nước			2008	69.034.000	0		
3.6	Máy bơm nước dự phòng chữa cháy			2019	27.600.000	6.900.000		
3.7	Bàn ghế hội trường nhỏ			2018	32.625.000	0		
3.8	Bộ bàn ghế hội trường Kho bạc Nhà nước huyện			2020	85.200.000	31.950.000		
3.9	Tượng Bác Hồ			2018	27.539.309	3.442.411		
3.10	Máy phát điện Mitsumitsi 30 KVA			2010	201.000.000	0		
3.11	Hệ thống Camera quan sát			2020	68.500.000	9.418.750		

Số TT	Tên tài sản	Thông tin cơ sở nhà, đất		Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị tiếp nhận tài sản	Ghi chú
		Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)					
II	Cơ sở nhà, đất Bảo hiểm xã hội cơ sở Nga Sơn thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa						Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội Hậu Lộc	Bộ Tài chính chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý tại Quyết định số 4461/QĐ-BTC ngày 30/12/2025
1	Đất	3.200		2017	16.000.000.000	16.000.000.000		
2	Nhà		1.297,6		15.603.200.065	9.883.826.092		
2.1	Nhà làm việc		1.210,6	2018	14.930.429.779	9.444.305.262		
2.2	Nhà phụ trợ		87	2018	672.770.286	439.520.830		
3	Tài sản khác trong cùng trụ sở				1.491.180.486			
3.1	Hệ thống Phòng cháy chữa cháy bằng nước			2018	640.146.000			
3.2	Hệ thống chữa cháy khí kho lưu trữ hồ sơ			2020	137.828.317			
3.3	Trung tâm báo cháy			2020	34.640.066			

Số TT	Tên tài sản	Thông tin cơ sở nhà, đất		Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị tiếp nhận tài sản	Ghi chú
		Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)					
3.4	Bình FM200, loại 89L/nap 67 kg khí FM200			2020	329.185.603			
3.5	Bàn quầy giao dịch			2018	14.833.500			
3.6	Hệ thống mạng nội bộ			2018	173.581.000			
3.7	Hệ thống giám sát an ninh			2018	160.966.000			